

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 137/2022/DS-PT

Ngày 13 tháng 5 năm 2022

V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Trọng;

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa :
Bà Lê Thị Tú Anh , Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 313/2019/TLPT-DS ngày 17/12/2019 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3877/2022/QĐ-PT ngày 27/4/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Thanh A; nơi cư trú: G str.1087719 M, B, Germany; có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của ông Lê Thanh A:* Ông Đinh Hữu A1 và ông Bùi Xuân A2 là thành viên Công ty luật TNHH MTV BDG, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng địa chỉ số 1, đường LDH, phường MK, quận HB, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24 tháng 10 năm 2019); Ông Đinh Hữu A1 có mặt tại phiên tòa, ông Bùi Xuân A2 vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Thanh A:* Luật sư Nguyễn Văn A3 - Công ty luật TNHH MTV BDG, Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Hồng A4; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường VS, quận DS, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Hồng A4:* Ông Lưu Thiếu A5 - Luật sư Công ty Luật TNHH ĐA, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

2.2. Bà Phạm Thị Bích A6; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường VS, quận DS, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân quận DS thành phố Hải Phòng; trụ sở số 195, đường LTT, phường NX, quận DS, thành phố Hải Phòng.

- *Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận DS:* Ông Hoàng Đình A7, Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận DS, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1551/UBND-TN&MT ngày 15/8/2019). Có mặt tại phiên tòa.

3.2. Văn phòng Đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng; trụ sở: số 275 LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng.

Ông Trần Thành A8 - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận DS thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong các đơn khởi kiện và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Cụ Lê Minh A9 và Trịnh Thị Minh A10 sinh được 02 người con là Lê Thanh A và Lê Hồng A4. Cụ Lê Minh A9 là liệt sĩ hy sinh năm 1971. Năm 2011, cụ Trịnh Thị Minh A10 được Ủy ban nhân dân quận DS cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau viết tắt là GCNQSDĐ) thửa 341 tờ bản đồ số 01 VS tại Tổ dân phố Đ, phường VS, quận DS, thành phố Hải Phòng với diện tích đất là 150m² trên đất có 02 ngôi nhà: một ngôi nhà 01 tầng cấp 4 diện tích 20m² và một nhà 2 tầng diện tích 60m² và số tiền góp vốn 19 triệu đồng tương đương 24,5m² đất tại Tổ dân phố Vùng, phường VS, quận DS, thành phố Hải Phòng. Cụ Trịnh Thị Minh A10 chết ngày 10/6/2017 không để lại di chúc. Ông Lê Hồng A4, bà Phạm Thị Bích A6 chiếm giữ và sử dụng bất hợp pháp 237,7m² đất tại các thửa 341b và 341a Tờ bản đồ số 01-VS, tổ dân phố Đ, phường VS, quận

ĐS, thành phố Hải Phòng là 02 thửa đất mà ông Lê Thanh A được cụ Trịnh Thị Minh A10 tặng cho và đã sang tên cấp GCNQSDĐ. Nay nguyên đơn yêu cầu:

- Buộc ông Lê Hồng A4 và bà Phạm Thị Bích A6 trả lại cho ông Lê Thanh A các tài sản:

- + Nhà 70m² và đất thuộc thửa số 341a, tờ bản đồ số 01-VS tại tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân quận ĐS cấp GCNQSDĐ số BA 899443 ngày 08/9/2011 mang tên chủ sử dụng Lê Thanh A.

- + Thửa số 341b, tờ bản đồ số 01-VS tại tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân quận ĐS cấp GCNQSDĐ số BA 899442 ngày 08/9/2011 mang tên chủ sử dụng Lê Thanh A.

- Phân chia di sản thừa kế của cụ Trịnh Thị Minh A10 theo quy định của pháp luật, tài sản gồm: Diện tích 150m² đất thuộc thửa số 341, tờ bản đồ số 01-VS tại tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân quận ĐS cấp GCNQSDĐ số BA 899441 ngày 08/9/2011 mang tên chủ sử dụng Trịnh Thị Minh A10 và 02 ngôi nhà trên đất gồm một ngôi nhà cấp 4 diện tích 20m² và một ngôi nhà 02 tầng diện tích khoảng 60m².

Tại các bản tự khai, Biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết, bị đơn là ông Lê Hồng A4, bà Phạm Thị Bích A6 thống nhất trình bày:

Năm 1980, cụ Trịnh Thị Minh A10 có làm đơn xin thị trấn ĐS và được Hợp tác xã nông nghiệp cấp cho 01 sào đất. Do diện tích đất được cấp xung quanh là ruộng nên gia đình đã mở rộng mới có diện tích 413,4m² tại 3 thửa số 341, 341a và 341b như hiện nay. Đây là diện tích được cấp theo tiêu chuẩn gia đình liệt sĩ. Năm 1983, cụ Trịnh Thị Minh A10 xây một ngôi nhà cấp 4 diện tích là 48m². Năm 1987 thì ông Lê Thanh A được đi lao động ở Tiệp Khắc (tiêu chuẩn gia đình liệt sỹ). Năm 2000 ông Lê Hồng A4 lấy vợ và xây ngôi nhà 2 tầng diện tích là 35m² có sát với ngôi nhà cũ của cụ Trịnh Thị Minh A10. Năm 2009 cụ A10 xây tiếp nhà 02 tầng ở mặt đường. Năm 2010, cụ Trịnh Thị Minh A10 được cấp GCNQSDĐ 413,4m² đất trên, nhưng ông A4 không biết mãi năm 2015, ông Lê Hồng A4 mới biết. Sau khi được cấp GCNQSDĐ cụ Trịnh Thị Minh A10 tặng cho ông A 237,7m² và ông A được cấp GCNQSDĐ. Việc ông Lê Thanh A được tặng cho và được cấp GCNQSDĐ vợ chồng ông đều không biết. Vợ chồng ông trực tiếp ở với cụ Trịnh Thị Minh A10. Về nghĩa vụ của người sử dụng đất, trước đây cụ A10 làm nghĩa vụ với Nhà nước, sau này có lúc vợ chồng ông đóng, có lúc cụ A10 đóng. Năm 2017, ông và ông Lê Thanh A có xích mích thì ông A tuyên bố đất là của ông A, cụ Trịnh Thị Minh A10 ở đó và có nói: “Tao còn sống là của tao, tao chưa cho đứa nào cả” và cụ Trịnh Thị Minh A10 đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân quận ĐS, Phòng Tài nguyên và Môi trường đề nghị các cơ quan chức năng trả lại 413,4 m² đất cho cụ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2019, ông Lê Hồng A4, bà Nguyễn Thị Bích A5 đề nghị hủy 03 GCNQSDĐ số BA 899441 ngày 08/9/2011 đối với 150m² đất tại thửa 341 do Ủy ban nhân dân quận ĐS cấp cho bà Trịnh Thị Minh A10; GCNQSDĐ số BA 899443 ngày 08/9/2011 đối với 113,7m² đất thửa 341 a và GCNQSDĐ số BA 899442 ngày 08/9/2011 đối với 124m² đất thửa 341 b do Ủy ban nhân dân quận ĐS cấp cho ông Lê Thanh A. Cả ba thửa đất trên đều thuộc tổ dân phố Đ, phường Vạn, quận ĐS, thành phố Hải Phòng. Tại đơn đề nghị ngày 17/4/2019, ông Lê Hồng A4 yêu cầu hủy 04 GCNQSDĐ gồm 3 GCNQSDĐ trên và 01 GCNQSDĐ số 899444 ngày 08/9/2011 đối với 44m² tại Tổ dân phố Vũng, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng do Ủy ban nhân dân quận ĐS cấp cho ông Lê Thanh A. Ngày 23/9/2019 ông Lê Hồng A4 đề nghị hủy thêm GCNQSDĐ số BB 319515 ngày 27/9/2010 đối với 413,4m² đất thửa 341 tờ bản đồ số 01-VS tại tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng do Ủy ban nhân dân quận ĐS cấp cho bà Trịnh Thị Minh A10.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân quận ĐS có quan điểm như sau:

Về nguồn gốc đất do năm 1976, gia đình bà Trịnh Thị Minh A10 được Hợp tác xã VS giao thửa đất 341 tờ bản đồ 01-VS Tổ dân phố Đ VS diện tích 480m² để làm nhà ở. Ngày 27/9/2010 Ủy ban nhân dân quận ĐS cấp GCNQSDĐ thửa 341 cho bà Trịnh Thị Minh A10 diện tích 413,4m². Ngày 18/12/2010 và ngày 21/12/2010, bà Trịnh Thị Minh A10 lập 02 hợp đồng tặng cho một phần quyền sử dụng đất thửa 341 cho con trai là Lê Thanh A. Căn cứ vào hai hợp đồng nêu trên Ủy ban nhân dân quận ĐS cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Thanh A đối với thửa đất 341a có diện tích 113,7m² và thửa 341b có diện tích 124m², diện tích còn lại thửa 341 là 150m² được cấp lại GCNQSDĐ cho bà Trịnh Thị Minh A10. Việc cấp 3 GCNQSDĐ trên là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 17/10/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính; Căn cứ Điều 108 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ khoản 3 Điều 48, Điều 129 của Luật Đất đai năm 2003; Căn cứ khoản 1 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 3 Quyết định 24/2004/QĐ-BTNMT ngày 01/11/2004 quy định về GCNQSDĐ của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Căn cứ Điều 86 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Căn cứ Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh A.

- Buộc ông Lê Hồng A4, bà Nguyễn Thị Bích A5 phải trả lại cho ông Lê Thanh A 229,56m² đất tại thửa 341, tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo). Ông Lê Hồng A4, bà Nguyễn Thị Bích A5 phải di chuyển cây trồng do ông bà trồng trên đất để trả lại mặt bằng đất cho ông Lê Thanh A.

Giao cho ông Lê Thanh A được quyền sở hữu các tài sản trên đất là nhà một tầng diện tích 20m² (đo thực tế là 46,17m²), tường bao giáp nhà bà Phạm Thị Cọt, Nguyễn Thị Tươi, sân và cổng. Các tài sản này do ông Lê Hồng A4, bà Nguyễn Thị Bích A5 đang quản lý nên ông Lê Hồng A4, bà Nguyễn Thị Bích A5 phải trả cho ông Lê Thanh A.

- Ông Lê Hồng A4 bà Nguyễn Thị Bích A5 được quyền sở hữu nhà hai tầng diện tích 60m² (thực tế là 79,56m²) và nhà hai tầng diện tích 70m² (đo thực tế 84,24m²) trên diện tích 183,84m² đất tại thửa 341, tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo).

- Ông Lê Hồng A4, bà Nguyễn Thị Bích A5 phải thanh toán chênh lệch tài sản, di sản thừa kế được hưởng cho ông Lê Thanh A là 665.712.000 đồng (sáu trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm mười hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Hủy 03 GCNQSDĐ số BA 899441 ngày 08/9/2011 đối với 150m² đất tại thửa 341 do Ủy ban nhân dân quận ĐS cấp cho bà Trịnh Thị Minh A10; GCNQSDĐ số BA 899443 ngày 08/9/2011 đối với 113,7m² đất thửa 341a và GCNQSDĐ số BA 899442 ngày 08/9/2011 đối với 124m² đất thửa 341b do Ủy ban nhân dân quận ĐS cấp cho ông Lê Thanh A (cả 03 thửa đất đều thuộc tổ dân phố tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng).

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân quận ĐS, Văn phòng đăng ký Đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng đính chính lại GCNQSDĐ số BB 319515 ngày 27/9/2010 đối với 413,4m² đất thửa 341 tờ bản đồ số 01- VS tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng tại mục I “*Người sử dụng đất...*” từ “*Bà Trịnh Thị Minh A10*” được thay bằng “*Hộ bà Trịnh Thị Minh A10*”.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18/10/2019 ông Lê Thanh A có đơn kháng cáo với nội dung. Không chấp nhận hủy 03 GCNQSDĐ số BA 899441 ngày 08/9/2011 đối với 150m² đất tại thửa 341 do Ủy ban nhân dân quận ĐS cấp cho bà Trịnh Thị Minh A10; GCNQSDĐ số BA 899443 ngày 08/9/2011 đối với 113,7m² đất thửa 341a và GCNQSDĐ số BA 899442 ngày 08/9/2011 đối với 124m² đất thửa 341b do Ủy ban nhân dân quận ĐS cấp cho ông và đề nghị chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông.

Ngày 29/10/2019 ông Lê Hồng A4 và bà Phạm Thị Bích A6 có đơn kháng cáo với nội dung:

+ Đề nghị hủy GCNQSDĐ số BB319515 ngày 27/9/2010 đối với 413,4m² đất thửa 341 tờ bản đồ số 01-VS tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng.

+ Đề nghị xem xét và chia lại di sản là căn nhà hai tầng diện tích 70m² (đo thực tế 84,24m²) trên diện tích 183,84m² đất tại thửa 341, tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng.

+ Đề nghị hủy Hợp đồng tặng cho ngày 18/10/2010, diện tích tặng cho 127,5m² và Hợp đồng tặng cho ngày 21/12/2010 diện tích tặng cho 124m² giữa cụ Trịnh Thị Minh A10 và ông Lê Thanh A.

+ Không đồng tình với cách chia thửa đất 341a, không chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng nguyên đơn thống nhất trình bày: Diện tích 413,4m² đất ở tại đô thị thuộc thửa đất số 341, TĐĐ số 01-VS tại tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc là của bà Trịnh Thị Minh A10 và bà A10 đã được UBND quận ĐS cấp GCNQSDĐ số BB 319515 ngày 27/8/2010. Ông A4 không quan tâm chăm sóc mẹ đẻ, vì vậy mặc dù ở xa đất nước bà A10 đã giao tài sản cho ông A quản lý sử dụng, cụ thể: Ngày 18/12/2010 bà A10 đã lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với diện tích 127,5/413,4m² đất cho ông A đến ngày 21/12/2010 bà A10 tiếp tục lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với diện tích 124/413,4m² đất cho ông. Cả hai Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được lập tại Văn phòng công chứng An Phát, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất còn lại bà A10 tiếp tục sử dụng (mục đích là để làm nơi thờ tự liệt sỹ và gia đình). Căn cứ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/9/2011, Ủy ban nhân dân quận ĐS đã cấp GCNQSDĐ cho Bà A10 là sử dụng diện tích 150m² đất ở tại đô thị thuộc thửa đất số 341, TĐĐ số 01-VS theo GCNQSDĐ số BA 899441, ông A là sử dụng diện tích 113,7m² đất ở tại đô thị thuộc thửa đất số 341a, TĐĐ số 01-VS

theo GCNQSDĐ số BA 899441 và GCNQSDĐ số BA 899442 diện tích 124m² đất ở tại đô thị thuộc thửa đất số 341ab, TĐĐ số 01-VS. Diện tích đất này do vợ chồng ông A4 chiếm hữu sử dụng một cách trái phép. Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông.

- Ông Lê Hồng A4 và bà Phạm Thị Bích A6 trình bày không nhất trí với bản án sơ thẩm vì tại cuộc họp hòa giải đơn của ông Lê Thanh A vào hồi 14 giờ ngày 30/9/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường VS, bà Trịnh Thị Minh A10 cũng nói rõ đất và nhà ở của gia đình ông được nhà nước cấp, đây là tài sản chung của ba mẹ con vì đất được giao theo tiêu chuẩn gia đình liệt sĩ, chứ không phải cấp riêng cho cụ A10 là đúng với thực tế thửa đất số 341 tờ bản đồ số 01-VS tại địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng. Vì vậy Đề nghị Tòa phúc thẩm Tuyên hủy GCNQSDĐ số BB319515 cấp ngày 27/9/2010 đã cấp cho cụ A10 vì việc cấp GCNQSDĐ là không đúng, đã tước đoạt toàn bộ quyền của ông. Ông đã sinh sống ở đây từ khi 6 tuổi, sau đó lập gia đình và xây nhà tại đây năm 2000 đến thời điểm cấp GCNQSDĐ số BB 319515. Hiện ông là người thờ cúng bố mẹ tại đây. Tòa sơ thẩm công nhận sự tồn tại của GCNQSDĐ số BB 319515 cấp ngày 27/9/2010 và vẫn được phân chia mà không tính đến thời điểm đó gia đình ông có 04 người đang sinh sống tại đó là chưa đúng quy định.

Theo ông A4 thì việc tạo ra hồ sơ cấp GCNQSDĐ số BB 319515 là việc làm cố tình làm sai của UBND phường VS và UBND quận ĐS. Tại Biên bản làm việc ngày 15/10/2019 giữa luật sư A5 và Ông Bùi Văn A11, Tổ trưởng tổ dân phố Đ đã xác định tình trạng sử dụng đất ở của hộ gia đình ông tại địa chỉ trên. Năm 2010, bà A10 xin cấp GCNQSDĐ và đến năm 2011 việc tách GCNQSDĐ, việc phân định ranh giới, mốc giới thửa đất ông A4 và tổ dân phố không được biết. Việc Tòa án cấp sơ thẩm kiến nghị Ủy ban nhân dân quận ĐS, Văn phòng đăng ký Đất đai Sở tài nguyên môi trường thành phố Hải Phòng đính chính lại GCNQSDĐ số BB 319515 ngày 27/9/2010 đối với 413,4 m² đất thửa 341 tờ bản đồ số: 01-VS tại địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng tại mục I “*Người sử dụng đất...*” từ “*Bà Trịnh Thị Minh A10*” được thay bằng “*Hộ bà Trịnh Thị Minh A10*” là không đúng với quy định của pháp luật. Diện tích đất ông A4 đang sinh sống đã được cấp GCNQSDĐ và chia cho ông A không có Biên bản họp gia đình. Như vậy hồ sơ cấp GCNQSDĐ số BB 319515 nếu có sửa “*Người sử dụng đất...*” từ “*Bà Trịnh Thị Minh A10*” được thay bằng “*Hộ bà Trịnh Thị Minh A10*” là không khả thi vì một số yêu cầu trong hồ sơ cần sửa lúc này là không thể thực hiện được.

Việc cho tặng quyền sử dụng đất tại hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất ngày 18/12/2010 với diện tích: 127,5 m², hợp đồng cho tặng quyền sử dụng đất ngày 21/12/2010 với diện tích: 124 m² và đơn xin tự nguyện hiến đất để làm ngõ đi chung của gia đình với diện tích là 26,4m² ngày 08/9/2011 (nằm một phần trong đất tặng cho) của bà A10 với ông A là không đúng vì định đoạt tài sản

chung có giá trị lớn của hộ gia đình phải được các thành viên trong gia đình đồng ý.

Ông A4 đề nghị xem xét chia lại giá trị thừa kế của cụ A10 với 02 ngôi nhà phải tính đến giá trị ông đã bỏ ra để hình thành lên ngôi nhà 70m² (thực tế 84,24m²) là: Tiền mặt hơn 100.000.000 đồng, tiền thu từ cho thuê nhà: Từ 01/1/2009 đến 31/12/2012 giá trị cho thuê: 138.000.000 đồng được hưởng theo phần nhà của ông cho thuê 40% là: 55.200.000 đồng và công sức đã bỏ ra trông coi, giám sát, quyết toán: 50.000.000 đồng; Tổng cộng: 205.200.000 đồng. Đề nghị tính vào phần chia thừa kế giá trị, công sức ông A4 đã bỏ ra 5-6 năm đi tìm và mang hài cốt bố ông về nghĩa trang liệt sĩ quận ĐS theo yêu cầu của mẹ ông.

Ông A4 cho rằng việc phân chia tài sản là chưa chuẩn xác và không có cơ sở vì: Thừa đất số 341 có diện tích 413,4 m² được UBND thị xã ĐS cấp cho gia đình ông năm 1980 trong diện gia đình liệt sĩ hơn nữa nếu GCNQSDĐ số BB 319515 ngày 27/9/2010 đúng pháp luật thì “*Hộ bà Trịnh Thị Minh A10*” tại thời điểm này cấp giấy là bao gồm mẹ ông, vợ chồng con cái nhà tôi là bốn người. Việc ông A bỏ tiền ra lo mai táng cho mẹ thực ra lấy từ khoản thuê nhà 44 m² của mẹ ông tại địa chỉ Tổ dân phố Vùng. Từ những ý kiến trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông A và xem xét việc ông A vu khống cho ông là đánh đuổi mẹ, nói công ty vỡ nợ giám đốc tự tử, ông A nhung người khác, vu khống vợ ông lấy hơn 50 triệu khi còn làm bảo hiểm Bảo Việt là không thể chấp nhận được, vi phạm nghiêm trọng danh danh dự, nhân phẩm của ông.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án hủy 04 GCNQSDĐ là GCNQSDĐ số BA 899441 ngày 08/9/2011 đối với 150m² đất tại thửa 341 do Ủy ban nhân dân quận ĐS cấp cho bà Trịnh Thị Minh A10; GCNQSDĐ số BA 899443 ngày 08/9/2011 đối với 113,7m² đất thửa 341a và GCNQSDĐ số BA 899442 ngày 08/9/2011 đối với 124m² đất thửa 341b do Ủy ban nhân dân quận ĐS cấp cho ông Lê Thanh A và GCNQSDĐ ngày 27/9/2010 đối với 413,4m² đất thửa 341 tờ bản đồ số 01-VS do Ủy ban nhân dân quận ĐS cấp cho bà Trịnh Thị Minh A10 (cả 04 thửa đất trên đều thuộc tổ dân phố Đ, phường Vạn, quận ĐS, thành phố Hải Phòng).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Căn cứ vào đơn xin xác nhận của bà Trịnh Thị Minh A10, xác nhận của ông Hoàng Gia Diệt thì diện tích đất tranh chấp là tài sản chung của gia đình cụ Trịnh Thị Minh A10, khi làm GCNQSDĐ của cụ Trịnh Thị Minh A10 không có xác nhận của các thành viên có quyền lợi liên quan đến tài sản là không đúng. Trong hai hợp đồng tặng cho giữa cụ Trịnh Thị Minh A10 với ông Lê Thanh A cũng không nói là tài sản riêng của cụ Trịnh Thị Minh A10 cho ông Lê Thanh A, ông Lê Hồng A4 không có cam kết cho ông Lê Thanh A phần tài sản của mình. Tài sản tranh chấp cả nhà và đất là của cụ Trịnh Thị Minh A10, ông Lê Thanh A có quyền yêu cầu chia thừa kế, ông Lê Hồng A4 có công sức.

- Đại diện theo ủy quyền của Văn phòng Đăng ký Đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng trình bày: Trên cơ sở xác nhận của Ủy ban nhân dân phường về nguồn gốc đất, trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Trịnh Thị Minh A10 và ông Lê Thanh A thì việc cấp 04 GCNQSDĐ cho cụ Trịnh Thị Minh A10 và ông Lê Thanh A đối với thửa 341, 341a, 341b vào năm 2010 và 2011 trên là đúng quy định của pháp luật cả về trình tự, thủ tục và nội dung.

- Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận ĐS, thành phố Hải Phòng trình bày: Ủy ban nhân dân quận ĐS cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Thanh A đối với thửa đất 341a có diện tích 113,7m² và thửa 341b có diện tích 124m², diện tích còn lại thửa 341 là 150m² được cấp lại GCNQSDĐ cho bà Trịnh Thị Minh A10. Việc cấp 3 GCNQSDĐ trên là đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa có quan điểm về vụ án như sau:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với phiên tòa phúc thẩm.

Những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với những người tham gia tố tụng khác: Đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 76, Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn thấy: Về di sản của cụ A10 413,4m² mà cụ A10 đứng tên trong giấy chứng nhận là do chính quyền cấp cho hộ gia đình liệt sỹ chứ không phải cấp cho riêng cụ A10, tại thời điểm đó trong gia đình cụ A10 có 3 người là ông A , ông A4 và cụ A10 do vậy mỗi người chỉ được quyền sử dụng 137,8m², tháng 12/2010 cụ A10 đã lập hợp đồng tặng cho ông A 237,7m² nhiều hơn quyền sử dụng của cụ A10. Hiện nay cụ A10 đã chết, hợp đồng tặng cho đã được đăng ký, cần tôn trọng ý nguyện của cụ A10. Tòa cấp sơ thẩm xác định cụ A10 không còn di sản là đất để chia là phù hợp.

Về tài sản trên đất: Quá trình giải quyết vụ án ông A cho rằng ông đã gửi tiền từ nước ngoài để tạo dựng nên ngôi nhà hai tầng 70m² (thực tế 84,24m²) và nhà một tầng 20m² (thực tế là 46,17m²) trên thửa đất 341, nhưng không có tài liệu để chứng minh, trong khi đó ông A4 không thừa nhận mà cho rằng tài sản này do cụ A10 tạo lập, tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là di sản của cụ A10 là có cơ sở.

Xác định công sức của vợ chồng ông A4: Ông A ở nước ngoài, ông A4 ở cùng với cụ A10 có công sức trông nom, chăm sóc cụ A10 trong thời gian cụ ốm đau, đi bệnh viện nên xác định công sức cho vợ chồng ông A4 bằng một kỷ phần thừa kế, là thỏa đáng.

Về cách chia hiện vật: Quá trình giải quyết Tòa án đã xem xét hiện trạng sử dụng đất, căn cứ vào nhu cầu sử dụng đất của từng bên, giá trị tài sản các bên

được hưởng, trên cơ sở đó cho ông A4 bà A6 quản lý sử dụng 183,84m² đất và sở hữu ngôi nhà hai tầng, trên phần đất này còn có ngôi nhà hai tầng diện tích 60m² của vợ chồng ông A4, cũng như giao cho ông A được quản lý sử dụng diện tích 229,56m² đất và sở hữu ngôi nhà một tầng 20m² (thực tế là 46,17m²) là có căn cứ.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng là đúng.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

[3]. Về diện và hàng thừa kế: Hàng thừa kế của cụ **Trịnh Thị Minh A10** gồm hai người con là Lê Thanh A và Lê Hồng A4.

[4]. Về nguồn gốc thửa 341 tờ bản đồ số 01 VS, tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng:

Đơn xin làm bìa đồ đất đang ở của cụ Trịnh Thị Minh A10 có nội dung: Năm 1976 gia đình tôi thuộc diện gia đình chính sách đã hai mươi năm sống tập thể, con bé, sinh hoạt phức tạp. Do vậy chính quyền địa phương có giúp đỡ tạo điều kiện nên cụ Trịnh Thị Minh A10 được Hợp tác xã nông nghiệp VS giao đất làm nhà ở từ năm 1976 đến nay. Xét điều kiện ăn ở của gia đình bà A10 khó khăn, là gia đình liệt sĩ, hai con nhỏ, vì vậy ban đại diện hành chính tiểu khu VS đã cấp cho bà A10 mảnh đất trên để làm chỗ ở cho gia đình. Như vậy căn cứ vào các tài liệu trên có cơ sở xác định thửa 341 tờ bản đồ số 01-VS, tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng Nhà nước cấp cho gia đình cụ Trịnh Thị Minh A10 theo tiêu chuẩn gia đình liệt sĩ chứ không phải cấp riêng cho cụ Trịnh Thị Minh A10. Tại thời điểm được cấp gia đình cụ Trịnh Thị Minh A10 có ba người gồm: cụ Trịnh Thị Minh A10, ông Lê Hồng A4, ông Lê Thanh A. Do vậy, theo Điều 108 của Bộ luật Dân sự năm 2005, thửa đất 341 tờ bản đồ số 01-VS, tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng là tài sản chung của cụ Trịnh Thị Minh A10, ông Lê Thanh A, ông Lê Hồng A4. Hiện tại, sổ sách quản lý đất đai ở địa phương trước năm 1991 không còn lưu giữ. Tại sổ Mục kê và bản đồ giải thửa năm 1991 thì thửa 341 có diện tích 480m², còn tại sổ

Mục kê tạm thời và và tờ bản đồ năm 2013 thì thửa 341 có diện tích 420,6m², đo thực tế khi cấp bìa đồ cho cụ A10 năm 2010 là 413,4m². Phần tài sản của mỗi người trong khối tài sản chung là 137,8m² đất (413,4m²/3).

Xét nội dung đơn kháng cáo của Nguyên đơn. Bị đơn và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay Hội đồng xét xử thấy tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét phân tích cụ thể các vấn đề mà nguyên đơn. Bị đơn nêu ra cụ thể như sau:

[5] Việc tặng cho giữa cụ Trịnh Thị Minh A10 và ông Lê Thanh A:

Trong thửa đất 341 là tài sản chung của hộ Trịnh Thị Minh A10 thì cụ A10 chỉ có 137,8m² đất nhưng theo hai hợp đồng tặng cho ngày 18/10/2010 và ngày 21/12/2010 cụ Trịnh Thị Minh A10 tặng cho ông Lê Thanh A tổng diện tích 237,7m² (gồm thửa 341a = 113,7m², thửa 341b = 124m²), như vậy cụ Trịnh Thị Minh A10 đã tặng cho ông Lê Thanh A vượt quá phần của cụ được hưởng trong khối tài sản chung của ba mẹ con. Tuy nhiên cả hai hợp đồng đều có chữ ký của người tặng cho và người được tặng cho, có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nên căn cứ vào các điều 122, 466, 467, 722, 723, 725, 726 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 129 của Luật Đất đai năm 2003, chỉ chấp nhận việc tặng cho giữa cụ Trịnh Thị Minh A10 và ông Lê Thanh A có hiệu lực đối với 137,8m² đất. Từ đó, ông Lê Thanh A được hưởng tổng số là 275,6m² đất (bao gồm phần ông được cụ Trịnh Thị Minh A10 tặng cho và phần của ông được hưởng trong khối tài sản chung). Phần còn lại 137,8m² đất là của ông Lê Hồng A4.

[6] Xét yêu cầu kiện đòi 237,7m² (gồm thửa 341a = 113,7m², thửa 341b = 124m²) của ông Lê Thanh A: Như phân tích tại mục [5] thì phần diện tích đất ông Lê Thanh A được hưởng là 275,6m² đất.

[7] Về di sản thừa kế:

[7.1] Về diện tích đất: Đối với phần của cụ Trịnh Thị Minh A10 được hưởng trong khối tài sản chung của ba mẹ con thì cụ đã tặng cho ông Lê Thanh A nên 137,8m² đất của cụ Trịnh Thị Minh A10 không còn là di sản thừa kế nữa.

[7.2] Nhà 2 tầng diện tích 70m² (thực tế 84,24m²) trên thửa đất 341a: Tại đơn khởi kiện ông Lê Thanh A kiện đòi vợ chồng ông Lê Hồng A4 phải trả lại ngôi nhà này. Ông A4 không thừa nhận tài sản của ông A và xác định đây là tài sản của cụ A10. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Lê Thanh A có quan điểm nguồn tiền ông gửi về xây nhà thì ông xác định cho cụ Trịnh Thị Minh A10, nên ông không kiện đòi vợ chồng ông Lê Hồng A4 trả lại nữa mà yêu cầu chia thừa kế. Như vậy ngôi nhà hai tầng 70m² (thực tế 84,24m²) là di sản thừa kế của cụ Trịnh Thị Minh A10.

[7.3] Đối với nhà hai tầng diện tích 60m² (thực tế là 79,56m²) trên thửa 341: Ông Lê Thanh A cho rằng khi xây nhà ông gửi về cho ông Lê Hồng A4

8.000 USD nhưng ông không có tài liệu để chứng minh, ông Lê Hồng A4 cũng không thừa nhận việc ông A gửi tiền cho ông. Do vậy, xác định ngôi nhà này là tài sản của vợ chồng ông Lê Hồng A4.

[7.4] Đối với nhà một tầng diện tích $20m^2$ (thực tế là $46,17m^2$) trên thửa đất 341: Các đương sự đều thừa nhận ngôi nhà do cụ A10 xây dựng từ năm 1984. Do vậy ngôi nhà này là di sản thừa kế của cụ Trịnh Thị Minh A10.

[7.5] Đối với vật kiến trúc khác như tường bao, cổng, sân: Ông Lê Hồng A4 trình bày do ông xây dựng, ông Lê Thanh A không có ý kiến gì về tài sản này nên Hội đồng xét xử xác định tường bao, cổng, sân là tài sản của vợ chồng ông Lê Hồng A4.

[7.6] Từ những phân tích trên có căn cứ xác định sau khi cụ Trịnh Thị Minh A10 chết di sản thừa kế của cụ gồm: Nhà hai tầng diện tích $70m^2$ (thực tế $84,24m^2$) trên thửa đất 341a và nhà một tầng diện tích $20m^2$ (thực tế là $46,17m^2$) trên thửa đất 341 tờ bản đồ số 01-VS, tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng. Cụ Trịnh Thị Minh A10 chết không để lại di chúc, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650 của Bộ luật Dân sự năm 2015, di sản thừa kế của cụ Trịnh Thị Minh A10 được phân chia theo pháp luật.

[8] Xét yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Trịnh Thị Minh A10:

Đối với nhà hai tầng diện tích $70m^2$, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vẫn nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn, đây chỉ là thay đổi quan hệ pháp luật giải quyết nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với tài sản này của nguyên đơn.

Theo kết quả định giá, nhà hai tầng $70m^2$ có trị giá 579.708.000 đồng; nhà một tầng trị giá 112.687.000 đồng (trong đó phần nhà cũ do cụ Trịnh Thị Minh A10 xây dựng là 72.573.000 đồng, phần vợ chồng ông Lê Hồng A4 sửa chữa có trị giá 40.114.000 đồng). Như vậy xác định trị giá di sản thừa kế của cụ Trịnh Thị Minh A10 là 652.281.000 đồng.

[8.1] Xác định công sức của vợ chồng ông Lê Hồng A4: Ông Lê Thanh A ở nước ngoài, ông Lê Hồng A4 ở cùng với cụ Trịnh Thị Minh A10 có công sức trông nom, chăm sóc cụ Trịnh Thị Minh A10 trong thời gian cụ ốm đau, đi bệnh viện nên xác định công sức cho vợ chồng ông Lê Hồng A4 bằng một kỷ phần thừa kế.

[8.2] Phân chia di sản thừa kế: Trị giá di sản thừa kế của cụ Trịnh Thị Minh A10 là 652.281.000 đồng, ông Lê Thanh A được hưởng 01 kỷ phần thừa kế, trị giá 217.427.000 đồng ($652.281.000\text{đồng}/3$). Ông Lê Hồng A4 được hưởng 434.854.000 đồng ($652.281.000\text{đồng}/3 \times 2$), bao gồm một kỷ phần thừa kế ông được hưởng và phần công sức của vợ chồng ông.

[9] Phân chia bằng hiện vật:

- Trên cơ sở sơ đồ xem xét thẩm định hiện trạng đất, để không làm ảnh hưởng cuộc sống, sinh hoạt của vợ chồng ông Lê Hồng A4 bà Nguyễn Thị Bích A5, không làm ảnh hưởng đến công trình vật kiến trúc trên đất thì chia cho ông Lê Hồng A4 bà Nguyễn Thị Bích A5 quản lý sử dụng 183,84m² đất và sở hữu ngôi nhà hai tầng diện tích 70m² (thực tế 84,24m²). Ngoài ra, trên phần đất này còn có ngôi nhà hai tầng diện tích 60m² của vợ chồng ông A4.

- Chia cho ông Lê Thanh A được quản lý sử dụng diện tích 229,56m² đất và sở hữu ngôi nhà một tầng diện tích 20m² (thực tế là 46,17m²). Vị trí, kích thước, mốc giới các diện tích đất có sơ đồ kèm theo.

[10] Thanh toán chênh lệch phần tài sản và di sản thừa kế được hưởng:

[10.1] Thanh toán chênh lệch về phần diện tích đất:

Như phân tích tại mục [5] và [8] thì ông Lê Hồng A4 bà Nguyễn Thị Bích A5 được quản lý, sử dụng diện tích đất nhiều hơn phần ông Lê Hồng A4 được hưởng là 46,04m². Ông Lê Thanh A được quản lý, sử dụng diện tích đất ít hơn phần mình được hưởng là 44,04m². Theo kết quả định giá thì giá đất thị trường hiện nay tại vị trí đất có tranh chấp là 12.000.000 đồng/m². Do vậy, ông Lê Hồng A4 bà Nguyễn Thị Bích A5 phải thanh toán chênh lệch phần tài sản được hưởng cho ông Lê Thanh A 552.480.000 đồng.

[10.2] Thanh toán chênh lệch về phần di sản thừa kế: Như phân tích tại mục [8] và [9] thì ông Lê Hồng A4 bà Nguyễn Thị Bích A5 được sở hữu ngôi nhà hai tầng có trị giá 579.708.000 đồng so với trị giá phần di sản ông Lê Hồng A4 được hưởng là 434.854.000 đồng thì ông Lê Hồng A4 bà Nguyễn Thị Bích A5 đã sở hữu phần di sản nhiều hơn là 144.854.000 đồng, ông Lê Thanh A được sở hữu nhà một tầng trị giá 112.687.000 đồng (trong đó phần nhà cũ do cụ Trịnh Thị Minh A10 xây dựng là 72.573.000 đồng, phần vợ chồng ông Lê Hồng A4 sửa chữa có trị giá 40.114.000 đồng) so với trị giá di sản thừa kế ông Lê Thanh A được hưởng 217.427.000 đồng thì ông Lê Thanh A chỉ còn thiếu là 104.740.000 đồng. Do vậy, vợ chồng ông Lê Hồng A4 bà Nguyễn Thị Bích A5 phải thanh toán chênh lệch phần di sản được hưởng cho ông Lê Thanh A 104.740.000 đồng. Trên phần đất được giao cho ông Lê Thanh A quản lý sử dụng còn có các tài sản do vợ chồng ông Lê Hồng A4 xây dựng là phần tường bao giáp nhà bà Phạm Thị Cột, cổng đi có tổng trị giá 31.828.845 đồng (làm tròn 31.828.000 đồng), giao cho ông Lê Thanh A được sở hữu và ông Lê Thanh A phải thanh toán cho vợ chồng ông Lê Hồng A4 trị giá các tài sản này.

[10.3] Từ phân tích tại tiểu mục [10.1] và [10.2] thì vợ chồng ông Lê Hồng A4 bà Nguyễn Thị Bích A5 phải thanh toán chênh lệch phần tài sản và di sản thừa kế được hưởng cho ông Lê Thanh A 625.392.000 đồng.

[11]. Xét yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BB 319515 ngày 27/9/2010 đối với 413,4m² đất thửa 341 tờ bản đồ số 01-VS tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng do Ủy ban nhân quận ĐS cấp cho cụ Trịnh Thị Minh A10:

Yêu cầu này của bị đơn đưa ra sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không chấp nhận bổ sung yêu cầu khởi kiện này của bị đơn. Tuy nhiên, như phân tích tại mục [4], thửa 341, tờ bản đồ số 01-VS, tổ dân phố Đ, phường Vạn, quận ĐS, thành phố Hải Phòng là tài sản chung của cụ Trịnh Thị Minh A10, ông Lê Thanh A và ông Lê Hồng A4. Tại thời điểm năm 2010 khi cụ Trịnh Thị Minh A10 làm thủ tục cấp GCNQSDĐ tại mục I người sử dụng đất... chỉ ghi Bà Trịnh Thị Minh A10 mà không có ý kiến của các đồng sử hữu là chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 48 của Luật Đất đai năm 2003 và điểm c khoản 2 Điều 3 Quyết định 24/2004/QĐ-BTNMT ngày 01/11/2004 quy định về GCNQSDĐ của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đây chỉ là sai sót về tên người sử dụng đất nên cần được đính chính lại tại mục I “Người sử dụng đất... của GCNQSDĐ là Hộ bà Trịnh Thị Minh Hằng theo quy định tại khoản 1 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 86 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

[12]. Xét yêu cầu hủy các GCNQSDĐ số BA 899441 ngày 08/9/2011 đối với 150m² đất tại thửa 341 do Ủy ban nhân dân quận ĐS cấp cho bà Trịnh Thị Minh A10; GCNQSDĐ số BA 899443 ngày 08/9/2011 đối với 113,7m² đất thửa 341a và GCNQSDĐ số BA 899442 ngày 08/9/2011 đối với 124m² đất thửa 341b do Ủy ban nhân dân quận ĐS cấp cho ông Lê Thanh A (cả 03 thửa đất đều thuộc tổ dân phố tổ dân phố Đ, phường VS, quận ĐS, thành phố Hải Phòng):

Do cụ Trịnh Thị Minh A10 đã tặng cho ông Lê Thanh A vượt quá phần tài sản mình được hưởng nên chỉ được chấp nhận một phần dẫn đến việc Ủy ban nhân dân quận ĐS căn cứ vào hai hợp đồng tặng cho để cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Thanh A và phần diện tích đất còn lại cấp lại GCNQSDĐ của cụ Trịnh Thị Minh A10 là chưa đúng. Hơn nữa, thửa đất 341 đã có sự biến động quyền sử dụng đất vì được phân chia lại cho các đương sự do vậy cần phải hủy cả 03 GCNQSDĐ nêu trên, các đương sự sẽ làm thủ tục để được cấp lại GCNQSDĐ theo quyết định của bản án. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xem phân tích như đã nêu trên là có căn phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các đương sự cũng không thỏa thuận được và cũng không đưa ra được những chứng cứ gì mới. Do đó Hội đồng xử cấp phúc thẩm đồng tình với các quyết định của bản án sơ thẩm. Giữ nguyên toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm.

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thuộc diện gia đình chính sách, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí phúc thẩm dân sự cho các đương sự.

Vì các lẽ trên, Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông Lê Thanh A, ông Lê Hồng A4, bà Phạm Thị Bích A6. Giữ nguyên các quyết định tại bản án Dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Thanh A, ông Lê Hồng A4, bà Phạm Thị Bích A6.

Hoàn lại cho ông Lê Thanh A 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0008446 ngày 05/11/2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mai

Vũ Thị Thu Hà

Bùi Xuân Trọng

Nơi nhận:

- VKSN cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục thi hành án thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Trọng